Trường THPT HUỲNH VĂN NGHỆ
Học kỳ 1
Năm học 2024-2025

Thời khóa biểu lớp học 2 buổi
Có giá trị từ ngày 25/08/2025

Ngày	Buổi	Tiết	10.1	10.2	10.3	10.4	10.5	10.6	10.7	10.8	10.9	10.10	10.11	11.1	11.2	11.3	11.4	11.5	11.6	11.7	11.8	11.9	11.10	11.11	11.12	12.1	12.2	12.3	12.4	12.5	12.6	12.7	12.8	12.9	12.10
Thứ 2	Sáng	1	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN	HĐTN
		2	Sinh hoạt - My	Sinh hoạt - N.Thanh	Sinh hoạt - Q.Vinh	Sinh hoạt - Hiền	Sinh hoạt - Linh	Sinh hoạt - Huế	Sinh hoạt - B.Thảo	Sinh hoạt - An (H)	Sinh hoạt - Tú	Sinh hoạt - Nhung	Sinh hoạt - Th. Hằng	Sinh hoạt - Lan	Sinh hoạt - Th..Mai	Sinh hoạt - An (T)	Sinh hoạt - Hồ	Sinh hoạt - Hiếu	Sinh hoạt - Sơn	Sinh hoạt - Y.Trang	Sinh hoạt - Loan (T)	Sinh hoạt - V.Vinh	Sinh hoạt - Khánh	Sinh hoạt - Hò	Sinh hoạt - Vi	Sinh hoạt - Mỹ Linh	Sinh hoạt - K.Trang	Sinh hoạt - Tuyền	Sinh hoạt - N.Hòa	Sinh hoạt - Lai	Sinh hoạt - Hà	Sinh hoạt - Hương	Sinh hoạt - Dũng	Sinh hoạt - Duyên	Sinh hoạt - Thi
		3																																	
		4																																	
		5																																	
	Chiều	1																																	
		2																																	
		3																																	
		4																																	
		5																																	
Thứ 3	Sáng	1																								Lí - Sơn	Văn - Thơm	Văn - V.Vinh	Hóa - Lai	Địa - Lý	Sử - Thảo	Văn - Linh	Văn - Thanh	GDKTPL - Th. Hằng	Văn - B.Vân
		2																								Sử - Thảo	Văn - Thơm	Văn - V.Vinh	Lí - Sơn	Lí - K.Trang	Địa - Lý	Văn - Linh	Văn - Thanh	GDKTPL - Th. Hằng	Hóa - Lai
		3																								Hóa - Hằng	Sử - Thảo	Lí - Hiếu	Văn - B.Vân	Lí - K.Trang	Văn - Thơm	GDKTPL - Hương	Địa - Chung	Văn - Duyên	Sinh - Vi
		4																								Văn - Thanh	Sinh - Mỹ Linh	Hóa - Hằng	Sử - Thảo	Hóa - Lai	Lí - T.Phong	Địa - Lý	GDKTPL - Hương	Địa - Chung	CNCN - P.Thảo
		5																								Sinh - Mỹ Linh	Hóa - Hằng	Sinh - Vi	Địa - Chung	Văn - Duyên	Sử - Thảo	CNNN - Trị	Lí - Hiếu	Lí - T.Phong	CNCN - P.Thảo
	Chiều	1																								HĐTN - Mỹ Linh	TD - T.Hòa	GDQP - Khiêm		HĐTN - Lai			TD - D. Phong	HĐTN - An (H)	
		2																								HĐTN - Mỹ Linh	TD - T.Hòa	TD - Đức	GDQP - Khiêm	HĐTN - Lai	GDQP - Thúy		TD - D. Phong	HĐTN - An (H)	
		3																								HĐTN - Mỹ Linh	GDQP - Khiêm	TD - Đức	TD - D. Phong	HĐTN - Lai	TD - T.Hòa		GDQP - Thúy	HĐTN - An (H)	
		4																											TD - D. Phong		TD - T.Hòa				
		5																																	
Thứ 4	Sáng	1																								Lí - Sơn	Toán - Dũng	Toán - Tuyền	Anh - C.Vân	Hóa - Lai	Lí - T.Phong	Hóa - Y.Trang	Tin - M.Thu	Toán - Hải	Anh - Quyên
		2																								Sinh - Mỹ Linh	Toán - Dũng	Toán - Tuyền	Anh - C.Vân	Toán - Thi	Toán - Thời	Hóa - Y.Trang	Tin - M.Thu	Toán - Hải	Hóa - Lai
		3																								Hóa - Hằng	Sinh - Mỹ Linh	Anh - Hà	Hóa - Lai	Anh - Quyên	Toán - Thời	Anh - C.Vân	Anh - Th..Mai	Lí - T.Phong	Toán - Thi
		4																								Toán - Hải	Hóa - Hằng	Lí - Hiếu	Toán - N.Hòa	Anh - Quyên	Anh - Hà	Toán - Tuyền	Toán - Dũng	Anh - Th..Mai	Toán - Thi
		5																								Toán - Hải	Toán - Dũng	Hóa - Hằng	Toán - N.Hòa	Toán - Thi	Anh - Hà	Toán - Tuyền	Lí - Hiếu	Anh - Th..Mai	Anh - Quyên
	Chiều	1																																	
		2																																	
		3																																	
		4																																	
		5																																	
Thứ 5	Sáng	1																								Văn - Thanh	Toán - Dũng	Tin - Q.Trúc	Lí - Sơn	Sử - Thảo	Địa - Lý	Toán - Tuyền	GDKTPL - Hương	Sử - Phước	Anh - Quyên
		2																								Văn - Thanh	Tin - Q.Trúc	Toán - Tuyền	Sử - Thảo	Anh - Quyên	Toán - Thời	Địa - Lý	Toán - Dũng	Văn - Duyên	Sử - Phước
		3																								Anh - Hiền	Sử - Thảo	Toán - Tuyền	Tin - Q.Trúc	Địa - Lý	Toán - Thời	GDKTPL - Hương	Văn - Thanh	Văn - Duyên	Toán - Thi
		4																								Anh - Hiền	Tin - Q.Trúc	Sử - Thảo	Toán - N.Hòa	Văn - Duyên	Tin - M.Thu	Toán - Tuyền	Sử - Phước	Địa - Chung	Sinh - Vi
		5																								Sử - Thảo	Anh - Hiền	Sinh - Vi	Toán - N.Hòa	Văn - Duyên	Tin - M.Thu	Văn - Linh	Địa - Chung	Sử - Phước	Toán - Thi
	Chiều	1																									HĐTN - K.Trang				HĐTN - Hà				TD - Tú
		2																									HĐTN - K.Trang				HĐTN - Hà	TD - T.Hòa		GDQP - Thúy	TD - Tú
		3																									HĐTN - K.Trang				HĐTN - Hà	TD - T.Hòa		TD - Tú	GDQP - Thúy
		4																													GDQP - Thúy		TD - Tú	
		5																																	
Thứ 6	Sáng	1																								Toán - Hải	Anh - Hiền	Anh - Hà	Văn - B.Vân	Tin - Q.Trúc	Hóa - Y.Trang	Anh - C.Vân	Toán - Dũng	Tin - M.Thu	Sử - Phước
		2																								Anh - Hiền	Văn - Thơm	Anh - Hà	Văn - B.Vân	Sử - Thảo	Hóa - Y.Trang	Anh - C.Vân	Toán - Dũng	Toán - Hải	Địa - Chung
		3																								Tin - M.Thu	Anh - Hiền	Sử - Thảo	Anh - C.Vân	Tin - Q.Trúc	Anh - Hà	Sử - Phước	Anh - Th..Mai	Toán - Hải	Văn - B.Vân
		4																								Toán - Hải	Lí - K.Trang	Tin - Q.Trúc	Địa - Chung	Toán - Thi	Văn - Thơm	Sử - Phước	Anh - Th..Mai	Tin - M.Thu	Văn - B.Vân
		5																								Tin - M.Thu	Lí - K.Trang	Văn - V.Vinh	Tin - Q.Trúc	Toán - Thi	Văn - Thơm	CNNN - Trị	Sử - Phước	Anh - Th..Mai	Địa - Chung
	Chiều	1																								TD - Đức		HĐTN - Hằng	HĐTN - N.Hòa			HĐTN - Hương	HĐTN - Dũng		HĐTN - Thi
		2																								TD - Đức		HĐTN - Hằng	HĐTN - N.Hòa	GDQP - Khiêm		HĐTN - Hương	HĐTN - Dũng		HĐTN - Thi
		3																								GDQP - Khiêm		HĐTN - Hằng	HĐTN - N.Hòa	TD - D. Phong		HĐTN - Hương	HĐTN - Dũng		HĐTN - Thi
		4																												TD - D. Phong					
		5																																	
Thứ 7	Sáng	1																																	
		2																																	
		3																																	
		4																																	
		5																																	
	Chiều	1																																	
		2																																	
		3																																	
		4																																	
		5																																	

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Mai Long Thời